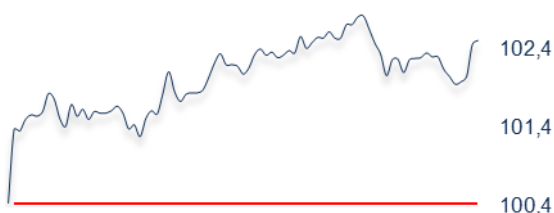
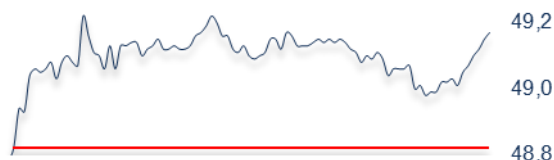


**VN-INDEX**


Giá trị đóng cửa	908,50
Biến động (%)	1,11%
KL(triệu CP)	138,2
Giá trị (tỷ đồng)	2.824,6
SLCP tăng giá	205
SLCP giảm giá	70
SLCP đứng giá	60

**HNX-INDEX**


Giá trị đóng cửa	102,51
Biến động (%)	2,07%
KL(triệu CP)	33,5
Giá trị (tỷ đồng)	426,4
SLCP tăng giá	93
SLCP giảm giá	77
SLCP đứng giá	59

**UPCOM-INDEX**


Giá trị đóng cửa	49,12
Biến động (%)	0,62%
KL(triệu CP)	10,7
Giá trị (tỷ đồng)	156,6
SLCP tăng giá	112
SLCP giảm giá	63
SLCP đứng giá	51

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**

**Đà tăng đồng thuận từ nhóm cổ phiếu ngân hàng cùng với GAS và HPG giúp VN-Index có phiên hồi phục thứ 2 liên tiếp và tiến sát ngưỡng 910 điểm.**

**Kết thúc phiên cuối tuần, VN-Index tăng 11,21 điểm (+1,25%) lên mức 909,72 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về số mã tăng điểm (205 mã tăng/70 mã giảm).**

Căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc có dấu hiệu dịu lại giúp thị trường chứng khoán Mỹ hồi phục trở lại và tác động tích cực lên các chỉ số chứng khoán trong nước. Sắc xanh lan tỏa trên diện rộng ngay từ đầu phiên giúp VN-Index bật tăng hơn 8 điểm ngay sau phiên ATO. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt thị trường khi hầu hết các mã trong ngành (VCB, CTG, BID, VPB, ACB,...) đều ghi nhận mức tăng tốt với thanh khoản tương đối cao. Dù vậy, giao dịch kém tích cực từ một số cổ phiếu vốn hóa lớn khác như VHM, VNM, VIC, SAB,... đã kìm hãm đà tăng của chỉ số khiến VN-Index liên tục giằng co trong toàn bộ thời gian còn lại của phiên sáng. Bước vào phiên chiều, dòng tiền hoạt động tích cực hơn giúp sắc xanh dần lan tỏa, số mã tăng chiếm áp đảo thị trường. Tuy nhiên, lực bán vùng giá cao lại khiến nhiều cổ phiếu hạ nhiệt so với phiên sáng, kèm theo áp lực giảm điểm từ một số cổ phiếu vốn hóa lớn khiến VN-Index tiếp tục giằng co nhẹ nhưng vẫn giữ được mức tăng 11,21 điểm khép lại phiên giao dịch cuối tuần.

- Nhóm ngân hàng tăng điểm khá đồng thuận đi kèm thanh khoản cao. Riêng đà tăng từ VCB (+4,6%), CTG (+3,7%), VPB (+4%) và BID (+2,2%) đã đóng góp hơn 3,5 điểm cho mức tăng chung của thị trường. Đặc biệt, VCB tăng phiên thứ 2 liên tiếp, đóng cửa tại 54.800 đồng/cổ phiếu và được khối ngoại mua ròng hơn 705.000 đơn vị.
- Nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục giao dịch phân hóa sau thông tin giá dầu thế giới giảm nhẹ. Ngoại trừ mức tăng đáng kể từ GAS (+3,5%) đóng góp 1,2 điểm cho chỉ số, các cổ phiếu còn lại như PLX, PVD, PVT chỉ tăng nhẹ hoặc đứng mồi tham chiếu kết phiên.
- Tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, giao dịch chưa tìm được sự đồng thuận. Trong khi MSN, HPG, VJC, BVH,... cùng trợ lực giúp chỉ số duy trì đà tăng đến cuối phiên, áp lực giảm điểm tại VHM và VNM khiến chỉ số đánh mất hơn 1 điểm. Các cổ phiếu khác chỉ đứng mức tham chiếu như VIC, SAB, VRE,...

Tổng khối lượng giao dịch đạt gần 140,4 triệu cổ phiếu, trị giá hơn 2.869 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận đạt hơn 620,2 tỷ đồng với các thỏa thuận lớn của NVL (96,6 tỷ đồng), SBT (71,8 tỷ đồng), VRE (56,6 tỷ đồng)... Các mã dẫn đầu khối lượng khớp lệnh bao gồm HAG (17,1 triệu đơn vị), FLC (10,4 triệu đơn vị), MBB (5,8 triệu đơn vị), CTG (5,1 triệu đơn vị)...

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng hơn 45,3 tỷ đồng trên cả hai sàn, trong đó họ bán ròng 44,2 tỷ đồng trên sàn HSX và 1,1 tỷ đồng trên sàn HNX. Trên sàn HSX, các mã được mua ròng nhiều nhất là VCB (+38,4 tỷ đồng), DXG (+17,7 tỷ đồng), CTD (+15,5 tỷ đồng)... Ngược lại, VNM (-38,3 tỷ), VIC (-24,5 tỷ), MSN (-17,7 tỷ), HDB (-15 tỷ) và BID (-12,5 tỷ) là những mã bị bán ròng nhiều nhất. Trên sàn HNX, khối ngoại chủ yếu mua ròng VGC (+6,0 tỷ đồng) và SHS (+1,4 tỷ đồng). Ngược lại, HUT và SD9 bị bán ròng mạnh nhất với giá trị 5,3 tỷ đồng và 1,3 tỷ đồng. Các mã còn lại giao dịch không đáng kể.

**HNX-Index giao dịch tích cực trong toàn phiên nhờ lực cầu nâng đỡ từ**

**nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt từ ACB và VCS. Cụ thể, chỉ số đóng cửa tăng 2,08 điểm (tương đương 2,07%) lên mức gần cao nhất phiên tại 102,51 điểm.**

Giao dịch tích cực ngay từ đầu phiên, HNX-Index liên tục tăng về cuối phiên với độ rộng thị trường nghiêng về số mã xanh. Tại nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ như PHP (-1,7%), VNR (-0,9%), NVB (-2,9%), VHL (-5%),... khiến chỉ số rung lắc và kim hãm đà tăng. Song với lực cầu nâng đỡ đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như ACB (+3,3%), VCS (+9,7%), SHB (+2,7%), VGC (+7,1%),... cùng với sự đồng thuận từ nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa như NTP (+1,2%), DL1 (+0,3%), DGL (+1,3%),... giúp chỉ số giữ vững sắc xanh và nới rộng đà tăng đến hết phiên. Thống kê cụ thể toàn thị trường ghi nhận 93 mã tăng, 77 mã giảm và 59 mã đứng giá.

Tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 33,45 triệu đơn vị, tương ứng giá trị giao dịch đạt hơn 426,4 tỷ đồng. SHB tiếp tục đứng đầu thanh khoản sàn HNX khớp lệnh hơn 5,8 triệu đơn vị. Các vị trí kế tiếp thuộc về ACB, HUT, VGC, KLF,...

**Tương tự 2 sàn, lực cầu nâng đỡ đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn giúp UpCom-Index giao dịch tích cực trong toàn phiên. Chỉ số đóng cửa tăng 0,45 điểm (tương đương 0,92%) lên mức cao nhất phiên tại 49,27 điểm. Giao dịch thỏa thuận chiếm hơn 16% thanh khoản toàn sàn.**

UpCom-Index liên tục nới rộng đà tăng trong phiên nhờ lực cầu nâng đỡ từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như ACV (+0,2%), HVN (+2,7%), MSR (+4,5%), FOX (+2,4%),... cùng với sự đồng thuận đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ như VIB (+3,3%), DTK (+2,6%), LPB (+2%),... Mặc cho nhóm cổ phiếu QNS (-0,3%), SCS (-0,3%), VEF (-3%), VIF (-13,4%),... giao dịch khá tiêu cực khiến kim hãm đà tăng song chỉ số vẫn giữ thành công đà tăng cuối phiên. ART đứng đầu thanh khoản toàn sàn với khối lượng khớp gần 2,8 triệu đơn vị.

Tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 10,77 triệu đơn vị, tương ứng với giá trị giao dịch hơn 157,5 tỷ đồng. Giao dịch thỏa thuận đạt hơn 25,4 tỷ đồng, chủ yếu đến từ DLD với giá trị thỏa thuận cao nhất hơn 6 tỷ đồng. Toàn sàn có 112 mã tăng giá, 52 mã đứng giá và 64 mã giảm giá.

## TIN TỨC NỔI BẬT:

**Thị trường dầu thế giới ngày 13/7: Giá giảm hướng tới tuần giảm mạnh:** Giá dầu giảm trong ngày hôm nay, thiết lập tuần thứ 2 giảm giá liên tiếp, do thị trường lo đi cảnh báo rằng công suất dự phòng có thể được mở rộng khi OPEC và Nga tăng sản lượng. Dầu thô Brent giảm 20 US cent hay 0,3% xuống 74,25 USD/thùng. Trong phiên trước giá đã tăng 1,05 USD/thùng, phục hồi từ mức thấp của phiên tại 72,67 USD/thùng, hướng tới tuần giảm gần 4%. Dầu thô Mỹ giảm 6 US cent hay 0,1% xuống 70,27 USD/thùng, sau khi giảm 5 US cent trong phiên trước, hướng tới tuần giảm gần 5%. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

**Xuất khẩu gạo 6 tháng đầu năm tăng cả về lượng và kim ngạch:** Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 6 tháng đầu năm cả nước xuất khẩu 3,48 triệu tấn gạo, thu về gần 1,77 tỷ USD, tăng 21,6% về lượng và tăng 38,9% về kim ngạch so với 6 tháng đầu năm ngoái. Giá gạo xuất khẩu trung bình trong tháng 6/2018 đạt 522,4 USD/tấn, giá trung bình cả 6 tháng đạt 507,7 USD/tấn. Trung Quốc luôn duy trì là thị trường tiêu thụ nhiều nhất các loại gạo của Việt Nam, chiếm 26% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước, đạt 891.688 tấn, tương đương 474,84 triệu USD, giảm 27,6% về lượng và giảm 14,8% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái, giá xuất khẩu trung bình đạt 532,5 USD/tấn, tăng 17,7%. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

**Xuất khẩu tôm quý II chững do giá tôm giảm mạnh:** Sau khi tăng trưởng 20,2% trong quý I, xuất khẩu tôm trong quý II có chiều hướng giảm nhẹ. Tính chung cả quý II, XK tôm ước đạt 868,7 triệu USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản, xuất khẩu tôm quý II giảm phần nào do giá tôm nguyên liệu giảm trong tháng 4 và tháng 5. Giá tôm trên thị trường thế giới giảm, sản lượng của các nước sản xuất tôm đồng loạt tăng, các nhà nhập khẩu yêu cầu giảm giá, ảnh hưởng đến giá tôm nguyên liệu và giá trị xuất khẩu tôm Việt Nam trong những tháng qua. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

**TIN DOANH NGHIỆP:****CTCP Sữa Việt Nam (VNM,HSX)** (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Platinum Victory Pte. Ltd đăng ký mua 14.512.467 cổ phiếu theo phương thức thỏa thuận hoặc khớp lệnh. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 18/07/2018 đến ngày 16/08/2018.

**CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS,HSX)** (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 26/07/2018
- Ngày đăng ký cuối cùng: 27/07/2018
- Tỷ lệ phát hành: 10%/ mệnh giá (10 cổ phiếu nhận được thêm 1 cổ phiếu mới).

**CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII,HSX)** (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

KB Vietnam Focus Balanced Fund đăng ký bán 1.000.000 cổ phiếu theo phương thức thỏa thuận hoặc khớp lệnh. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 17/07/2018 đến ngày 15/08/2018.

**CTCP Tập đoàn dầu khí An pha (ASP,HSX)** (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 02/08/2018
- Ngày đăng ký cuối cùng: 03/08/2018
- Tỷ lệ thanh toán: 06%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 600 đồng)
- Thời gian thanh toán: 17/08/2018.

**Tổng CTCP Dệt May Hà Nội (HSM, UpCOM)** (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2017.

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 19/07/2018
- Ngày đăng ký cuối cùng: 20/07/2018
- Tỷ lệ thanh toán: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)
- Thời gian thanh toán: 31/07/2018.

**CTCP Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện (PTP,UpCom)** (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 25/07/2018
- Ngày đăng ký cuối cùng: 26/07/2018
- Tỷ lệ thanh toán: 09%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 900 đồng)
- Thời gian thanh toán: 15/08/2018.

**CTCP Bảo vệ thực vật Sài Gòn (SPC,UpCom)** (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

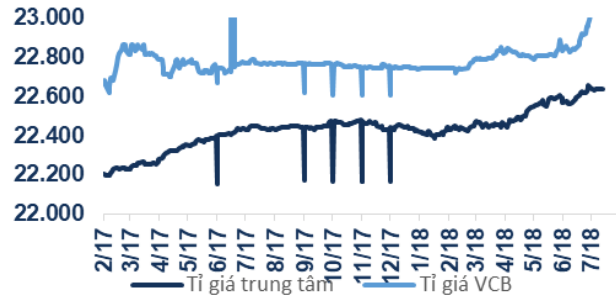
Thông báo trả cổ tức đợt cuối năm 2017 bằng tiền:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 27/07/2018
- Ngày đăng ký cuối cùng: 30/07/2018
- Tỷ lệ thanh toán: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)
- Thời gian thanh toán: 20/08/2018.

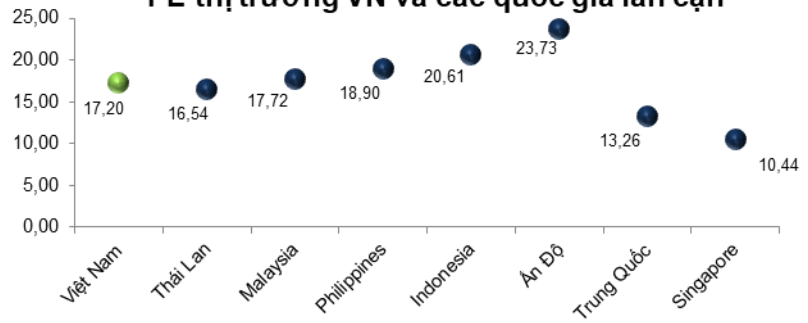
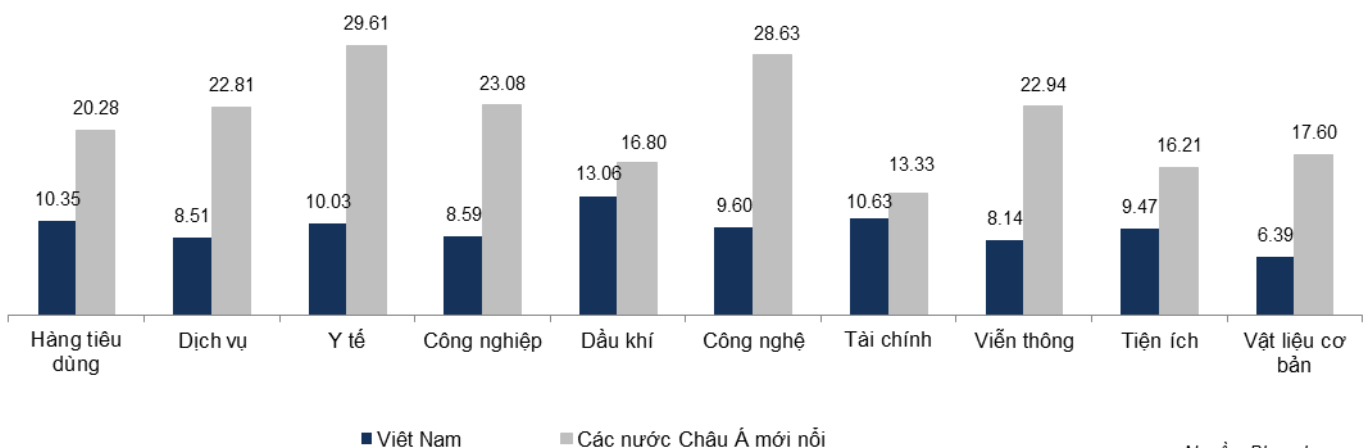
**THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ**
**Biến động một số loại tiền tệ**

Cặp ngoại tệ	Tỷ giá		
	7/13/2018	Δ	YTD
USD/VND	23.080	5,00	1,47%
EUR/VND	26.937	-85,54	-1,70%
JPY/VND	206,22	-0,98	-0,94%
CNY/VND	3.527	28,00	-3,32%

Nguồn: Vietcombank

**Biến động Tỷ giá USD/VND**

**THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

Chỉ số	Giá trị	Biến động Δ	Biến động %
DJIAX	24.700	224,4	0,92%
NASDAQ	7.244	122,3	1,72%
S&P 500	2.774	24,3	0,88%
FTSE 100	7.713	61,7	0,81%
CAC 40	5.434	28,2	0,52%
SHANGHAI	2.831	-6,5	-0,23%
NIKKEI	22.597	409,4	1,85%

**PE thị trường VN và các quốc gia lân cận**

**CHỈ SỐ PE THEO NGÀNH CỦA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC MỚI NỔI**


Nguồn: Bloomberg

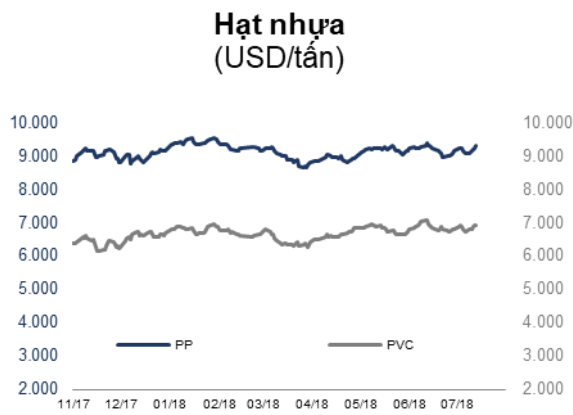
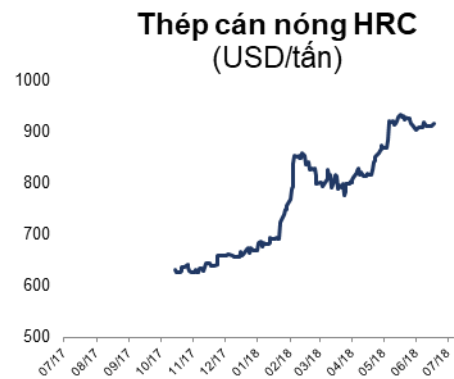
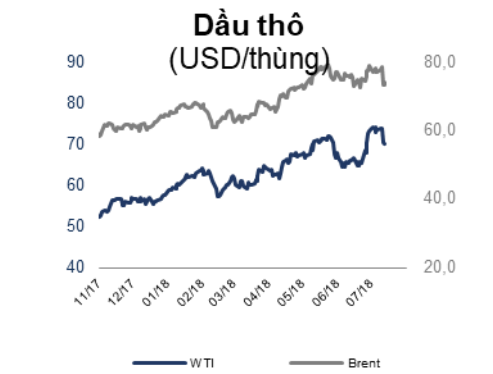
**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**
**Biến động các chỉ số so với đầu năm**


	Sàn HOSE					Sàn HNX					Sàn UPCOM				
	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm
Tài chính	23,8%	27	3,1%	70,4%	7,4%	47,8%	19	2,7%	73,7%	15,8%	0,0%	1	14,6%	100,0%	0,0%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,2%	22	2,5%	45,5%	27,3%	19,4%	152	0,7%	38,2%	36,2%	0,0%	3	7,3%	33,3%	33,3%
Dịch vụ điện - nước	7,7%	99	1,4%	61,6%	23,2%	7,2%	26	0,8%	34,6%	23,1%	0,0%	5	-2,4%	20,0%	20,0%
Công nghiệp	2,9%	39	2,4%	64,1%	25,6%	0,9%	8	-3,9%	25,0%	50,0%	1,0%	3	1,1%	100,0%	0,0%
Nguyên vật liệu	20,4%	37	-0,3%	54,1%	24,3%	4,8%	32	-5,0%	18,8%	46,9%	0,3%	5	8,4%	40,0%	40,0%
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	1,2%	12	0,1%	33,3%	33,3%	0,5%	12	0,0%	41,7%	50,0%	0,9%	6	0,2%	50,0%	16,7%
CNTT	3,0%	10	0,8%	40,0%	10,0%	6,4%	16	0,1%	50,0%	25,0%	0,0%	-	-	-	-
Năng lượng	4,9%	57	3,3%	54,4%	24,6%	8,5%	69	0,6%	33,3%	33,3%	0,2%	34	6,3%	38,2%	23,5%
Chăm sóc sức khỏe	27,7%	42	0,0%	66,7%	16,7%	2,7%	36	-0,6%	38,9%	22,2%	-	-	-	-	-
Không phân loại	0,01%	1	-6,74%	0,0%	100,0%	4,21%	49	-0,19%	30,6%	32,7%	-	-	-	-	-
<b>Toàn thị trường</b>	<b>100,0%</b>	<b>359</b>	<b>1,3%</b>	<b>58,8%</b>	<b>22,0%</b>	<b>100,0%</b>	<b>384</b>	<b>1,2%</b>	<b>37,5%</b>	<b>33,6%</b>	<b>100,0%</b>	<b>760</b>	<b>-2,4%</b>	<b>30,0%</b>	<b>23,4%</b>

Nguồn: Bloomberg

**Cổ phiếu biến động giá lớn trong 1 tuần**

HOSE				HNX				UPCOM			
Mã cp	KLGD	Giá	% thay đổi	Mã Cp	KLGD	Giá	% thay đổi	Mã Cp	KLGD	Giá	% thay đổi
<b>Cổ phiếu tăng giá</b>											
AGF	2.530	3.920	22,5%	L35	-	300	30,0%	GTH	-	700	71,4%
VMD	1.750	20.850	19,1%	SGC	-	90.000	28,6%	V15	-	400	33,3%
CIG	117.350	3.990	17,4%	SCL	-	15.900	27,3%	PSG	6.000	400	33,3%
HAS	3.000	7.510	13,8%	PSE	-	3.900	23,8%	RCD	-	900	30,4%
HVG	89.840	2.670	13,1%	HHC	300	47.300	20,7%	ACE	100	24.500	27,6%
<b>Cổ phiếu giảm giá</b>											
ST8	10	13.900	-19,7%	C92	50.800	5.000	-31,5%	TTR	-	200	-38,6%
HRC	1.480	30.000	-16,7%	LO5	1.000	3.000	-23,1%	DAP	-	2.300	-34,8%
VPS	570	12.700	-15,9%	DPS	133.100	800	-20,0%	VDN	-	300	-27,4%
TS4	71.750	4.560	-14,9%	UNI	29.600	7.000	-19,5%	PVA	112.500	400	-20,0%
TDW	140	21.650	-13,1%	SLS	-	7.800	-14,9%	STV	-	16.600	-18,6%

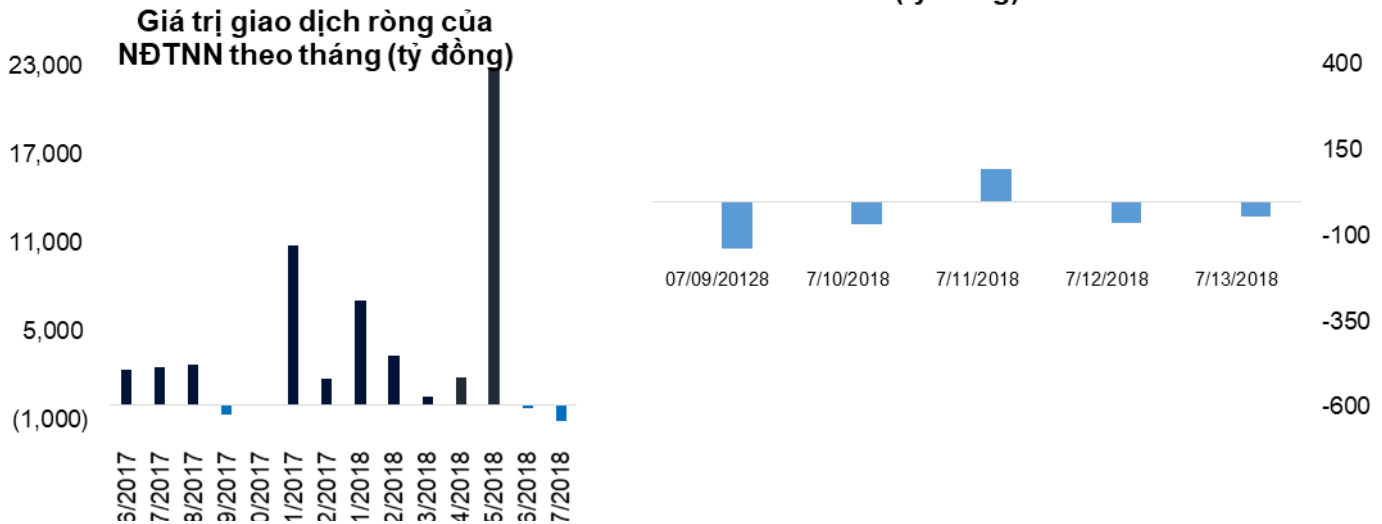
**THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA QUỐC TẾ**


(Nguồn: Bloomberg)



**GAO DỊCH KHỎI NGOẠI**

Sàn	Khối lượng (triệu cp)				Giá trị (tỷ VND)			
	Mua	Bán	Mua - Bán	Tỷ lệ GTGD ròng/ Thị trường	Mua	Bán	Mua - Bán	Tỷ lệ GTGD ròng/ Thị trường
HOSE	9.68	10.96	-1.28	-0.93%	394.68	438.91	-44.23	-1.68%
HNX	0.88	1.96	-1.07	-3.20%	12.05	13.19	-1.15	-0.27%
<b>Tổng</b>	<b>10.56</b>	<b>12.92</b>	<b>-2.35</b>	<b>-1.37%</b>	<b>406.73</b>	<b>452.10</b>	<b>-45.37</b>	<b>-1.48%</b>

**Giá trị giao dịch ròng của NĐTNN theo ngày (tỷ đồng)**

**HOSE Top mua ròng**

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NĐTNN/Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NĐTNN	Tỉ trọng bán NĐTNN
DXG	2,113,750	1,319,000	794,750	17,739,603	4,730,930	44.7%	27.9%
VCB	892,800	187,600	705,200	38,381,522	1,709,410	52.2%	11.0%
E1VFN30	301,170	-	301,170	4,417,860	338,350	89.0%	0.0%
CTG	226,330	5,000	221,330	5,027,399	5,166,290	4.4%	0.1%
HPG	760,930	560,850	200,080	7,115,509	4,729,750	16.1%	11.9%
SSI	637,210	520,790	116,420	3,331,222	3,549,250	18.0%	14.7%
DPM	112,380	50	112,330	1,909,204	421,010	26.7%	0.0%
GAS	156,890	47,000	109,890	8,954,458	416,710	37.6%	11.3%
CTD	125,350	15,640	109,710	15,543,379	153,220	81.8%	10.2%
HBC	94,700	1,000	93,700	1,957,115	746,060	12.7%	0.1%
GEX	90,500	20,000	70,500	2,188,434	167,820	53.9%	11.9%
CII	69,620	1,000	68,620	1,914,091	1,053,460	6.6%	0.1%
BVH	46,310	2,950	43,360	3,213,219	91,850	50.4%	3.2%
BMC	35,000	-	35,000	397,250	38,660	90.5%	0.0%
SCR	39,560	9,010	30,550	252,631	948,220	4.2%	1.0%
NT2	32,600	2,680	29,920	801,697	353,600	9.2%	0.8%
YEG	84,530	56,260	28,270	7,045,787	85,730	98.6%	65.6%
KDH	30,780	4,000	26,780	782,523	95,080	32.4%	4.2%
TLD	22,410	50	22,360	219,761	1,216,390	1.8%	0.0%
AAA	20,000	1,000	19,000	325,800	1,618,160	1.2%	0.1%



**Top bán ròng**

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Bán ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
FLC	33,810	755,210	(721,400)	(3,607,912)	10,415,260	0.3%	7.3%
BID	218,020	746,850	(528,830)	(12,474,484)	3,158,160	6.9%	23.6%
PVD	500	500,500	(500,000)	(6,142,288)	742,600	0.1%	67.4%
HDB	67,020	518,660	(451,640)	(14,980,580)	1,692,220	4.0%	30.6%
CSM	-	372,680	(372,680)	(4,787,892)	458,540	0.0%	81.3%
VRE	1,711,350	2,007,380	(296,030)	(10,806,952)	2,165,970	79.0%	92.7%
VIC	52,410	290,670	(238,260)	(24,547,801)	564,040	9.3%	51.5%
MSN	118,670	348,554	(229,884)	(17,725,593)	453,210	26.2%	76.9%
VNM	107,310	336,380	(229,070)	(38,273,745)	407,360	26.3%	82.6%
HSG	187,630	349,980	(162,350)	(1,637,298)	1,476,510	12.7%	23.7%
KBC	10,000	137,000	(127,000)	(1,430,442)	3,014,860	0.3%	4.5%
LCG	-	113,530	(113,530)	(1,025,176)	167,560	0.0%	67.8%
VJC	5,010	78,170	(73,160)	(9,551,784)	356,980	1.4%	21.9%
AMD	-	50,000	(50,000)	(179,500)	902,480	0.0%	5.5%
SAB	36,040	79,080	(43,040)	(9,276,385)	114,030	31.6%	69.4%
VSC	160,050	201,220	(41,170)	(1,266,329)	220,430	72.6%	91.3%
TDH	-	40,000	(40,000)	(472,338)	245,890	0.0%	16.3%
LMB	200	35,520	(35,320)	(924,802)	41,280	0.5%	86.0%
VND	125,000	151,300	(26,300)	(425,700)	532,350	23.5%	28.4%
PLX	780	26,440	(25,660)	(1,390,907)	266,960	0.3%	9.9%

**HNX**
**Top mua ròng**

Mã CK	Mã CK			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Giá trị mua ròng (1000VND)		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
VGC	440,100	100,000	340,100	6,044,890	1,817,470	24.2%	5.5%
SHS	117,700	1,300	116,400	1,444,260	1,270,250	9.3%	0.1%
PIV	76,000	-	76,000	114,000	174,700	43.5%	0.0%
VIX	48,800	-	48,800	278,160	2,101,988	2.3%	0.0%
VCG	22,000	-	22,000	328,000	249,340	8.8%	0.0%
BCC	17,800	-	17,800	110,360	52,600	33.8%	0.0%
SD4	16,000	-	16,000	140,200	16,000	100.0%	0.0%
TIG	15,000	-	15,000	45,000	120,220	12.5%	0.0%
DHT	12,500	-	12,500	460,650	21,379	58.5%	0.0%
PGT	12,500	-	12,500	50,000	12,527	99.8%	0.0%

**Top bán ròng**

Mã CK	Mã CK			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Giá trị bán ròng (1000VND)		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
HUT	20,000	1,125,000	(1,105,000)	(5,293,710)	1,882,505	1.1%	59.8%
MBG	-	327,500	(327,500)	(917,000)	1,296,910	0.0%	25.3%
SD9	26,100	203,300	(177,200)	(1,275,840)	215,300	12.1%	94.4%
VIT	-	60,100	(60,100)	(578,030)	65,150	0.0%	92.2%
PVS	42	50,500	(50,458)	(787,091)	1,191,362	0.0%	4.2%
HDA	-	12,900	(12,900)	(120,280)	78,500	0.0%	16.4%
DGL	-	10,100	(10,100)	(308,720)	10,500	0.0%	96.2%
CAP	-	10,000	(10,000)	(400,000)	19,700	0.0%	50.8%
DGC	-	8,200	(8,200)	(256,540)	69,810	0.0%	11.7%
PTS	-	6,300	(6,300)	(33,400)	6,400	0.0%	98.4%

**DIỄN GIẢI KHUYẾN NGHỊ**

Mức khuyến nghị trên dựa vào việc xác định mức chênh lệch giữa giá trị mục tiêu so với giá trị thị trường hiện tại của mỗi cổ phiếu nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho nhà đầu tư trong thời gian đầu tư 12 tháng kể từ ngày đưa ra khuyến nghị.

Mức kỳ vọng 18% được xác định dựa trên mức lãi suất trái phiếu Chính phủ 12 tháng cộng với phần bù rủi ro thị trường cổ phiếu tại Việt Nam.

Khuyến nghị	Diễn giải
<b>Kỳ vọng 12 tháng</b>	
<b>Mua</b>	Nếu giá mục tiêu <b>cao hơn</b> giá thị trường trên 18%
<b>Thêm</b>	Nếu giá mục tiêu <b>cao hơn</b> giá thị trường từ 7% đến 18%
<b>Theo dõi</b>	Nếu giá mục tiêu <b>so với</b> giá thị trường từ -7% đến 7%
<b>Giảm</b>	Nếu giá mục tiêu <b>thấp hơn</b> giá thị trường từ -7% đến -18%
<b>Bán</b>	Nếu giá mục tiêu <b>thấp hơn</b> giá thị trường trên -18%

**Tuyên bố miễn trách nhiệm**

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

**Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.**

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT  
Trụ sở chính**

Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam  
ĐT: (84.24) 37737070 / 6271 7171  
Fax: (84.24) 37739058

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT  
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh**

Tầng 3, tòa nhà Bến Thành Times Square, 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: (84.28) 62908686  
Fax: (84.28) 62910607

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT  
Chi nhánh Tp.Đà Nẵng**

100 Quang Trung, P.Thạch Thang, Quận Hải Châu TP. Đà Nẵng, Việt Nam  
ĐT: (84.236) 3553666  
Fax: (84.236) 3553888